

Phụ lục X
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Công văn số /HCC-KSTT ngày tháng năm 2025
của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Dương)

STT	Mã TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC		
1.	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học
2.	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
3.	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập
4.	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại
5.	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập
6.	1.001000	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
7.	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở
II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON		
8.	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
9.	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại
10.	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục
11.	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ

		(Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
12.	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		
13.	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
14.	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh
IV. LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN		
15.	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)
16.	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng
17.	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại
18.	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng
V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC		
19.	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)
20.	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học
21.	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại
22.	1.005099	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học
23.	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục
24.	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học
VI. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC		
25.	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước

26.	2.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài
27.	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở
28.	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở
29.	1.005108	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở
30.	2.001904	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở
31.	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
32.	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở
33.	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại
34.	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục
35.	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở
VII. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN		
36.	2.002594	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện
37.	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách
38.	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp
39.	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người
40.	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu

		công nghiệp
41.	1.005143	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài
42.	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
43.	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
44.	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo
45.	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục
VIII. LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ		
46.	2.001914	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ
47.	1.005092	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc
Tổng: 47 TTHC		